

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2011

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN 10 THÁNG NĂM 2011 NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

#### 1. TÌNH HÌNH CHUNG

Tháng 10, các tỉnh miền Bắc tập trung thu hoạch lúa mùa và gieo trồng cây vụ đông 2011/12. Diện tích gieo cấy lúa mùa tại miền Bắc đạt **1.142 ngàn ha**, diện tích thu hoạch đến nay mới đạt gần 600 ngàn ha. Nhìn chung, tiến độ thu hoạch lúa mùa tại các vùng đều chậm so với cùng kỳ này năm trước do yếu tố thời tiết bất thường từ đầu năm đã đẩy vụ lúa đông xuân thu hoạch muộn so với thông thường hơn 1 tháng. Miền Nam đã cơ bản kết thúc thu hoạch vụ lúa hè thu và tiếp tục thu hoạch thu đông tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tính đến ngày 15/10/2011, diện tích lúa mùa xuống giống ở các tỉnh miền Nam đạt **682,5 ngàn ha**, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh vùng ĐBSCL đạt 295 ngàn ha, bằng 97,2% so với cùng kỳ.

*Chăn nuôi*, so với thời điểm tháng 4/2011 đàn lợn trên cả nước ước tính đến đầu tháng 10 tăng 3,3%, đạt khoảng 27,2 triệu con; đàn gia cầm tăng trên 7%, đạt khoảng trên 320 triệu con; trọng lượng thịt hơi các loại sản xuất bình quân trong tháng 10 đạt trên 380 ngàn tấn, tăng 7,9% so với bình quân tháng 9/2011.

*Lâm nghiệp*, tính đến ngày 20/10 diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt **149,7 nghìn ha**, bằng 74,7% so với cùng kỳ năm trước; diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 319,2 nghìn ha, tăng 10,8 % so với cùng kỳ năm trước; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 698 nghìn ha, bằng 95,8 % so với cùng kỳ năm trước.

*Thủy sản*, sản lượng thủy sản 10 tháng đầu năm ước đạt **4.612 ngàn tấn**, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó sản lượng khai thác ước đạt 2.199 ngàn tấn, tăng 5,2%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 2.413 ngàn tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

*Xuất khẩu*, khối lượng xuất khẩu phần lớn các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng giá trị tăng khá mạnh do giá tăng cao. Giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 10 ước đạt 2,2 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm lên **20,8 tỷ USD**, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, các mặt hàng nông sản chính ước đạt 11,6 tỷ USD, tăng xấp xỉ 45%; thủy sản ước đạt 4,95 tỷ USD, tăng 23,2%; lâm sản đạt 3,4 tỷ USD, tăng 16,2%.

Kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 15/10/10	Thực hiện 15/10/11	% so với	
				Gieo cây	C.kỳ 2010
<b>1. Thu hoạch lúa mùa ở miền Bắc</b>	1000 ha	<b>892.2</b>	<b>555.7</b>	<b>47.0</b>	<b>62.3</b>
Trong đó: + Đồng bằng sông Hồng	"	502.2	276.1	48.2	55.0
+ Vùng Bắc Trung bộ	"	136.6	121.8	66.3	89.1
<b>2. Gieo cấy lúa mùa ở miền Nam</b>	1000 ha	<b>665.4</b>	<b>682.5</b>		<b>102.6</b>
Trong đó: + Đồng bằng sông Cửu Long	"	303.5	295.0		97.2
<b>3. Gieo cấy lúa đông xuân ở miền Nam</b>	1000 ha	<b>122.1</b>	<b>94.7</b>		<b>77.6</b>
Trong đó: + Đồng bằng sông Cửu Long	"	122.1	94.7		77.6
<b>4. Gieo trồng cây vụ đông ở miền Bắc</b>	1000 ha	<b>321.8</b>	<b>191.2</b>		<b>59.4</b>
Trong đó: - Ngô	"	154.8	82.1		53.1
- Khoai lang	"	30.8	17.4		56.4
- Đậu tương	"	83.5	23.3		27.9
- Lạc	"	6.8	4.1		60.1
- Rau, đậu các loại	"	74.0	41.2		55.6
<b>5. Giá trị xuất khẩu</b>	Tr.USD	2.045	2.200		<b>134.5</b>
Trong đó: Nông sản chính	"	1.011	1.119		144.9
Thủy sản	"	560	600		123.2
Lâm sản chính	"	369	381		116.2

## 2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

### 2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

#### 2.1.1. Tình hình trồng trọt

**Các tỉnh miền Bắc:** Tính đến ngày 15/10/2011, các tỉnh miền Bắc mới thu hoạch 556 ngàn ha lúa mùa, chiếm 47% diện tích gieo cấy, trong đó các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đã thu hoạch 276 ngàn ha, đạt 48,2% diện tích gieo cấy; các tỉnh vùng Trung du và Miền núi thu hoạch 158 ngàn ha, đạt 37% diện tích gieo cấy; các tỉnh vùng Bắc Trung bộ thu hoạch 122 ngàn ha, chiếm 66,3% diện tích gieo cấy. Nhìn chung, tiến độ thu hoạch lúa mùa tại các vùng đều chậm so với cùng kỳ này năm trước do yếu tố thời tiết bất thường từ đầu năm đã đẩy vụ lúa đông xuân thu hoạch muộn so với thông thường hơn 1 tháng.

Lúa mùa thu hoạch muộn cũng đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ gieo trồng cây vụ đông 2011/12. Tính đến trung tuần tháng 10, các địa phương miền Bắc đã gieo trồng được 191 ngàn ha cây vụ đông các loại, chỉ bằng 60% so với cùng kì năm trước, trong đó cây ngô đạt 82 ngàn ha, bằng 53,1%; khoai lang 17,4 ngàn ha bằng 56,4%; đậu tương đạt 23,3 ngàn ha, bằng 28%; lạc 4,1 ngàn ha, bằng 60%; rau các loại đạt 41 ngàn ha, bằng 55,6% so với cùng kỳ năm trước. Vụ đông năm nay, do hạn chế về yếu tố thời vụ nên các địa phương đã chủ động bố trí diện tích các cây trồng ở mức hợp lý để không ảnh hưởng đến năng suất và lịch gieo cấy của vụ lúa đông xuân tới.

**Các tỉnh miền Nam:** Trong tháng 10, trên các vùng đã cơ bản kết thúc thu hoạch vụ lúa hè thu và tiếp tục thu hoạch thu đông tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Do yếu tố thời tiết bất thường, lũ ở vùng ĐBSCL năm nay về sớm, cường độ mạnh đã làm cho một số diện tích lúa thu đông mới được mở rộng ngoài hệ thống đê bao bị ngập làm giảm năng suất hoặc bị mất trắng. Tuy nhiên, diện tích này không lớn. Nhìn chung, năm nay ở vùng ĐBSCL cả 2 vụ lúa hè thu và thu đông đều đạt kết quả khá cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Tính đến ngày 15/10/2011, diện tích lúa mùa xuống giống ở các tỉnh miền Nam đạt 682,5 ngàn ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh vùng ĐBSCL đạt 295 ngàn ha, bằng 97,2% so với cùng kỳ.

Sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐBSCL đang chuyển dần trọng tâm sang giai đoạn chuẩn bị xuống giống vụ lúa đông xuân 2011/12. Một số địa phương đã bắt đầu triển khai xuống giống trà sớm đạt gần 100 ngàn ha, bằng khoảng 80% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ xuống giống lúa đông xuân có phần chậm hơn so với cùng kì năm trước chủ yếu do các địa phương đang tập trung đối phó với lũ để cứu lúa thu đông đang trong giai đoạn chín và cho thu hoạch.

### 2.1.2 Tình hình sâu bệnh trên lúa

Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 10/2011, trên lúa mùa các tỉnh miền Bắc, bệnh lùn sọc đen, rầy các loại tiếp tục gây hại, đáng chú ý có bệnh khô vằn gây hại mạnh trên hầu hết các trà lúa, diện tích nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước. Trên lúa thu đông tại các tỉnh miền Nam các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại phổ biến là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh bạc lá và khô vằn; đáng chú ý là diện tích lúa bị nhiễm bệnh vàng lùn và lùn xoắn xuất hiện trở lại và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước.

#### **Các tỉnh miền Bắc:**

- **Bệnh lùn sọc đen:** Diện tích lúa nhiễm cộng dồn từ đầu vụ là 1.273 ha, diện tích xử lý nhỏ vùi 208 ha, diện tích phun thuốc phòng trừ rầy 2.360 ha. Hiện nay, diện tích lúa còn có triệu chứng bệnh là 923 ha, tuy nhiên, riêng các tỉnh thuộc vùng Duyên hải Bắc Trung bộ trên đồng ruộng không còn diện tích nhiễm bệnh.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Sâu non hại chủ yếu trên trà lúa muộn, bón thừa đạm, mật độ phổ biến từ 3-7 c/m<sup>2</sup>, tập trung nhiều tại các tỉnh Hà Nam, Hoà Bình, Thái Nguyên,

Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Thanh Hóa, Nghệ An, và Quảng Bình. Tổng diện tích lúa bị nhiễm trên 14 ngàn ha, trong đó diện tích nhiễm nặng chỉ hơn 1.100 ha, cá biệt tại Ninh Bình và Thái Bình lúa nhiều nơi có mật độ cao bất thường từ 120-200 c/m<sup>2</sup>.

- **Rầy nâu, rầy lưng trắng:** Rầy cám phân bố rộng, hại chủ yếu trên các trà lúa sớm, chính vụ, giống nhiễm, mật độ phổ biến 300-700 c/m<sup>2</sup>, tập trung nhiều tại các tỉnh Nam Định, Quảng Ninh, Hà Nam, Hưng Yên, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hoà Bình, Lào Cai, Điện Biên, và Yên Bái. Tổng diện tích nhiễm lên tới 65,5 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng chỉ khoảng 10 ngàn ha.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm trên 168 ngàn ha, gây hại trên nhiều trà lúa khác nhau, tỷ lệ nhiễm phổ biến từ 5-10%, tập trung ở các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hải Phòng, Điện Biên, Hoà Bình, Quảng Ninh, Yên Bái, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, và Cao Bằng. Diện tích bị nhiễm nặng chỉ khoảng 7 ngàn ha. Các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng Bắc bộ diện tích lúa bị nhiễm thấp hơn cùng kỳ năm trước, trong khi các tỉnh thuộc vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ cao hơn gần 10 ngàn ha.

Ngoài các loại sâu bệnh gây hại chủ yếu kể trên còn có sâu đục thân 2 chấm, bọ xít dài, bệnh bạc lá, lem lép hạt, chuột,... gây hại cục bộ trên lúa với tổng diện tích bị nhiễm hàng ngàn ha. Tuy nhiên, mức độ gây hại không lớn nhờ các địa phương tích cực chủ động phòng trừ kịp thời.

#### ***Các tỉnh miền Nam:***

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá:** Xuất hiện lúa bị nhiễm bệnh trên 386 ha tại các tỉnh Đồng Tháp và An Giang, cùng kì năm trước diện tích lúa nhiễm chỉ khoảng 20 ha. Tuy nhiên, hầu hết diện tích nhiễm đều mới xuất hiện, mức độ gây hại nhẹ với tỷ lệ bệnh phổ biến từ 3-10%. Song hành với bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá là rầy nâu, hiện chỉ có gần 7 ngàn ha lúa bị nhiễm, giảm hơn 18 ngàn ha so với cùng kì năm trước.

- **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm gần 27 ngàn ha, tăng 4,7 ngàn ha so với cùng kì năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, tập trung nhiều tại các tỉnh Bạc Liêu, Trà Vinh, Bình Thuận, Long An, Hậu Giang, và Sóc Trăng.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Thống kê sơ bộ có gần 14 ngàn ha nhiễm sâu cuốn lá nhỏ, giảm 10 ngàn ha so với cùng kì năm trước, mật độ phổ biến 10- 20 con/m<sup>2</sup>, xuất hiện chủ yếu ở các tỉnh An Giang, Bình Thuận, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, và Long An.

- **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Có gần 2 ngàn ha nhiễm bệnh, giảm 5,6 ngàn ha so với cùng kì năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, tập trung nhiều tại các tỉnh Vĩnh Long, Hậu Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Long An, và Sóc Trăng.

- **Bệnh bạc lá:** Có trên 7 ngàn ha lúa bị nhiễm bệnh bạc lá, tăng 3,5 ngàn ha so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 đến 15%, phát sinh chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Đồng Nai, Long An...

Ngoài ra, các bệnh khô vằn, đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, bọ xít dài, bọ xít đen, chuột, ốc bươu vàng, ... đều đã xuất hiện gây hại rải rác, tập trung chủ yếu trên lúa tại các tỉnh thuộc địa bàn Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

## 2.2. Chăn nuôi

### 2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi

+ **Chăn nuôi lợn:** Đàn lợn trên cả nước ước tính đến đầu tháng 10 khoảng 27,2 triệu con, tăng 3,3% so với thời điểm tháng 4/2011. Trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn là vùng chăn nuôi trọng điểm chiếm 24,4% đàn với số đầu con là 6,62 triệu con. Tổng đàn lợn nái ước tính 3,9 triệu con, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm 23% với 897,9 ngàn con.

+ **Chăn nuôi trâu, bò:** Phát triển tương đối ổn định do dịch bệnh đã được khống chế. Chăn nuôi bò sữa phát triển tốt do giá sữa tăng cao và không bấp bênh như những năm trước.

+ **Chăn nuôi gia cầm:** Đàn gia cầm hiện có khoảng trên 320 triệu con, tăng trên 7% so với tháng 4 năm 2011 do không bị ảnh hưởng của dịch bệnh. Giá thịt gia cầm tương đối ổn định, người dân yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất các loại hình trang trại và gia trại.

**Sản lượng thịt:** Theo số liệu của Cục Chăn nuôi, khối lượng thịt hơi các loại sản xuất bình quân trong tháng 10 đạt trên 380 ngàn tấn, tăng 7,9% so với bình quân tháng 9 năm 2011.

#### + **Giá cả thị trường:**

##### *Giá thực phẩm:*

Tại miền Bắc: giá thịt lợn hơi xuất chuồng dao động trong khoảng từ 46.000 - 56.000 đồng/kg tùy theo loại giống và theo khu vực, bình quân so với tháng 9 giảm 3,8%; giá gà công nghiệp lông trắng dao động từ 34.000-35.000 đồng/kg.

Tại miền Nam: lợn thịt xuất chuồng nuôi tại các trang trại, giá bán dao động từ 46.000 - 50.000 đồng/kg so với giá bình quân trong tháng 9 là 52.500 đồng/kg, giảm 8,6%, gà thịt dao động trong khoảng 29.000-35.000 đồng/kg, bình quân giảm 12,9% so với tháng 9/2011.

*Giá thức ăn chăn nuôi:* So với thời điểm tháng 9, trong tháng 10 đa số nguyên liệu TĂCN chủ yếu có giá tăng nhẹ, chỉ có giá sản lát giảm, giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt không có biến động, cụ thể:

Giá ngô 7.507,5 đ/kg (tăng 2,8%), khô dầu đậu tương 10.710đ/kg (tăng 5,0%), bột cá 21.000đ/kg (tăng 4%), cám gạo 7.350đ/kg (tăng 6,5%), sản lát khô 6.090đ/kg (giảm 4,8%), Methionine 120.750đ/kg (tăng 2,3%), và Lyzin 60.900đ/kg (tăng 6,8%).

Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm không đổi: thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh gà Broiler trên 10.678 đ/kg, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng khoảng 9.470đ/kg.

### **2.2.2. Tình hình dịch bệnh**

+ **Dịch Cúm gia cầm:** Trong tháng, về cơ bản dịch đã được kiểm soát chỉ còn tỉnh Quảng Ngãi có dịch chưa qua 21 ngày. Tuy nhiên, do thời tiết đang chuyển mùa làm giảm sức đề kháng của vật nuôi, vi rút cúm lưu hành tại miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên đã có biến đổi và vẫn chưa có vắc xin phù hợp, thêm vào đó tình hình nhập lậu gia cầm còn diễn biến phức tạp là cơ hội để bùng phát dịch trở lại.

+ **Dịch lở mồm long móng:** Dịch đã được các địa phương kiểm soát tốt, trong tháng chỉ còn Nghệ An là có dịch chưa qua 21 ngày và xuất hiện thêm 16 con trâu bò mắc bệnh trên địa bàn xã Hoà Sơn, huyện Đô Lương. Nguy cơ dịch tiếp tục phát sinh vẫn rất cao vì còn tồn tại vi rút lở mồm long móng trên những đàn gia súc đã lành bệnh lâm sàng, ngoài ra gia súc nhập lậu từ những nước có dịch có thể làm xuất hiện các ổ dịch mới.

+ **Dịch Tai xanh trên lợn:** Tình hình dịch bệnh đang có xu hướng lan rộng, ổ dịch tại Sóc Trăng vẫn chưa được khống chế hoàn toàn. Nguy cơ phát đợt dịch mới tại các tỉnh phía Nam là rất cao. Trong tháng đã có thêm 23.301 con lợn mắc bệnh trên tổng đàn 38.275 con, tổng số tiêu hủy là 8.976 con lợn. Cả nước có 06 tỉnh có dịch chưa qua 21 ngày, bao gồm Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Quảng Nam và Thành phố Cần Thơ.

+ **Dịch bệnh thủy sản:** Bệnh trên tôm nuôi tiếp tục xảy ra tại một số tỉnh miền Trung và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, hiện tượng hoại tử gan tụy có chiều hướng gia tăng hơn tháng trước, gây thiệt hại cho 4.454,11 ha tôm nuôi tại các tỉnh Ninh Thuận, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Ngoài ra, bệnh đốm trắng cũng gây thiệt hại cho 23,59 ha tôm nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau.

## **2.3. Lâm nghiệp**

### **2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh**

Trong tháng, thời tiết có mưa trên khắp cả nước nên khá thuận lợi cho công việc trồng rừng. Tuy nhiên, lũ lụt tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ trồng rừng tại vùng này. Tính đến 20/10 kết quả thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp như sau:

- Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 149,7 nghìn ha, bằng 74,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 18,6 nghìn ha, bằng 40,6% so với cùng kỳ năm trước; trồng mới rừng sản xuất đạt 131,1 nghìn ha, bằng 84,8% so với cùng kỳ năm trước;
- Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 319,2 nghìn ha, tăng 10,8 % so với cùng kỳ năm trước;

- Trồng cây phân tán đạt 170,5 triệu cây, tăng 0,3 % so với cùng kỳ năm trước;
- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 698 nghìn ha, bằng 95,8 % so với cùng kỳ năm trước;
- Diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 2.333,7 nghìn ha, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước;
- Sản lượng gỗ khai thác đạt 3.530 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 12,2 % so với cùng kỳ năm trước.

**Các tỉnh miền Bắc:** Các địa phương miền Bắc đã cơ bản kết thúc vụ trồng rừng. Ước tính đến 20/10 các địa phương miền Bắc đã trồng được 127,4 nghìn ha rừng, chiếm 85% diện tích trồng rừng cả nước. Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 13 nghìn ha, chiếm 70% diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng cả nước; Trồng rừng sản xuất đạt 114,4 nghìn ha, chiếm 87% diện tích trồng rừng sản xuất cả nước. Vùng có diện tích trồng rừng lớn nhất là Trung du và Miền núi phía Bắc đạt 90,6 nghìn ha, Bắc Trung Bộ đạt xấp xỉ 24,5 nghìn ha và Đồng bằng sông Hồng đạt 12,4 nghìn ha. Một số tỉnh miền Bắc có diện tích trồng rừng khá là Tuyên Quang 15 nghìn ha, Bắc Kạn 14 nghìn ha, Nghệ An 13,6 nghìn ha và Yên Bái 13,1 nghìn ha. Cùng với việc trồng rừng, các địa phương tiếp tục tiến hành chăm sóc rừng đã trồng, khoán khoanh nuôi tái sinh và giao khoán bảo vệ rừng tới các tổ chức, cá nhân, thực hiện khai thác gỗ đối với diện tích rừng đã đến kỳ khai thác.

**Các tỉnh miền Nam:** Trong tháng đang là chính vụ trồng rừng năm 2011. Ước tính đến 20/10 các tỉnh miền Nam trồng rừng đạt 19,7 nghìn ha, trong đó trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 3 nghìn ha, trồng rừng sản xuất đạt 16,7 nghìn ha. Một số tỉnh có diện tích trồng rừng khá là Đắk Lắk 4,6 nghìn ha, Bình Thuận 2,7 nghìn ha, Bình Định 2,2 nghìn ha, Đắk Nông 1,9 nghìn ha... Ngoài việc trồng rừng, các địa phương tiếp tục chuẩn bị hiện trường, làm đất và chăm sóc cây giống phục vụ cho kế hoạch trồng rừng năm 2011.

### **2.3.2. Tình hình cháy rừng và chặt phá rừng**

Do đang trong mùa mưa lũ nên ít xảy ra cháy rừng, trong kỳ chỉ xảy ra 9 vụ cháy rừng, diện tích bị cháy 11 ha. Tính chung 10 tháng đầu năm diện tích rừng bị cháy là 994 ha.

Số vụ chặt phá rừng trong tháng được hạn chế nhiều, số vụ chặt phá rừng là 42 vụ, diện tích bị phá 9 ha chủ yếu tại các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc. Lũy kế 10 tháng diện tích rừng bị phá 1.023 ha.

## **2.4. Thủy sản**

### **2.4.1. Khai thác thủy sản**

Theo báo cáo của các địa phương, thời tiết trong tháng có bão, áp thấp và mưa giông nên có phần ảnh hưởng đến thời gian bám biển của thuyền nghề, một số tàu thuyền của ngư dân ít ra khơi đánh bắt, tuy nhiên ngư trường nhìn chung thuận lợi,

sản lượng khai thác hải sản tính chung từ đầu năm đến nay vẫn tăng.

Ước sản lượng khai thác thủy sản tháng 10 đạt 226 ngàn tấn đưa sản lượng thủy sản khai thác 10 tháng đầu năm ước đạt 2.199 ngàn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó riêng khai thác biển ước đạt 2.039 ngàn tấn, tăng 5,6%. Một số tỉnh có sản lượng khai thác biển đạt khá là Kiên Giang 338 ngàn tấn; Bà Rịa – Vũng Tàu 219 ngàn tấn, và Bình Thuận 153 ngàn tấn.

#### **2.4.2. Nuôi trồng thủy sản**

Ước sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 10 đạt 250 ngàn tấn đưa sản lượng thủy sản nuôi trồng 10 tháng đầu năm lên 2.413 ngàn tấn, tăng 5,5% cùng kỳ năm 2010.

Về cá tra: Tổng diện tích nuôi cá tra 10 tháng đầu năm ước đạt 5.146 ha, sản lượng cá lữ kể từ đầu năm đến nay ước đạt 920,4 ngàn tấn (năng suất bình quân 308 tấn/ha, năm 2010 là 255 tấn/ha). Giá cá tra giống hiện nay vào khoảng 45.000- 48.000 đồng/kg (loại cá 2cm), với giá bán này các hộ ương cá giống đều có lãi cao nên diện tích ương cá tra giống tăng rất nhanh. Hiện tại các công ty có khuynh hướng xây dựng vùng nuôi tập trung để ổn định nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến, đồng thời đẩy mạnh được việc triển khai và mở rộng diện tích nuôi theo các tiêu chuẩn Global GAP, SQF, BMP, GAP... nhằm hướng đến tạo nguồn hàng đảm bảo an toàn, vệ sinh và chất lượng phục vụ nhu cầu xuất khẩu, từng bước nâng cao giá trị hàng hóa nông sản chế biến trên thị trường thế giới.

### **3. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN**

#### **3.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản**

Khối lượng xuất khẩu phần lớn các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi giá trị xuất khẩu tăng khá mạnh do giá tăng cao. Giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 10 ước đạt 2,2 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm lên **20,8 tỷ USD**, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, các mặt hàng nông sản chính ước đạt 11,6 tỷ USD, tăng xấp xỉ 45%; thủy sản ước đạt 4,95 tỷ USD, tăng 23,2%; lâm sản đạt 3,4 tỷ USD, tăng 16,2%.

*Cụ thể một số mặt hàng chính như sau:*

+ **Gạo:** Ước tháng 10 xuất khẩu 550 ngàn tấn, kim ngạch đạt 300 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 10 tháng đầu năm ước đạt 6,5 triệu tấn, kim ngạch đạt 3,3 tỷ USD, tăng 11,6% về lượng và 20,3% về giá trị. Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm đạt 500 USD/tấn, tăng xấp xỉ 7% so với cùng kỳ năm 2010. In-đô-nê-xia tiếp tục giữ vững vị trí là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với mức tăng gấp 3,4 lần về lượng và gấp 2,8 lần về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Các thị trường khác như Xê-nê-gan cũng tăng gấp hơn 5 lần và Trung Quốc tăng gấp hơn 3 lần về giá trị so với cùng kỳ. Trong khi đó, thị trường Phi-lip-pin và Xinh-ga-po lại sụt giảm khá mạnh. Để bù vào sự sụt giảm của hai thị trường trên, các doanh nghiệp Việt



Nam đã tăng cường xuất khẩu sang các thị trường mới như Băng-la-đet, Xê-nê-gan, Bờ Biển Ngà và Gana.

+ **Sắn và các sản phẩm từ sắn:** Xuất khẩu tháng 10 ước đạt 180 ngàn tấn, trị giá 65 triệu USD, đưa lượng xuất khẩu 10 tháng lên 2,3 triệu tấn và giá trị đạt 815 triệu USD, tăng 60,5% về lượng và 93,4% về giá trị so với năm 2010. Giá xuất khẩu bình quân 9 tháng tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 355,9 USD/tấn. Thị trường tiêu thụ chính của mặt hàng này là Trung Quốc, chiếm 92,4% tổng giá trị xuất khẩu.

+ **Cà phê:** Ước xuất khẩu tháng 10 đạt 35 ngàn tấn với trị giá 80 triệu USD, đưa lượng xuất khẩu 10 tháng lên hơn 1 triệu tấn và giá trị đạt 2,3 tỷ USD, tăng xấp xỉ 6% về lượng và 60,6% về giá trị so với năm 2010. Giá cà phê xuất khẩu tiếp tục tăng, trong khi đó nguồn cung nội địa lại giảm đẩy giá cà phê trong nước tăng mạnh. Giá xuất khẩu bình quân 9 tháng đang ở mức 2.209 USD/tấn tăng 53% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su:** Khối lượng cao su xuất khẩu tháng 10 ước đạt 80 ngàn tấn và thu về 342 triệu USD, với ước tính này 10 tháng đầu năm xuất khẩu đạt 608 ngàn tấn với trị giá 2,6 tỷ USD; tăng 2,7% về lượng và 57,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2010. Xuất khẩu cao su tăng trưởng về kim ngạch ở hầu hết các thị trường dù lượng xuất khẩu sang một số thị trường sụt giảm. Giá cao su xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm tăng 56,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 4.325 USD/tấn.

+ **Chè:** Ước xuất khẩu tháng 10 đạt 15 ngàn tấn với kim ngạch đạt 25 triệu USD, đưa tổng lượng chè xuất khẩu 10 tháng đầu năm ước đạt 112 ngàn tấn, kim ngạch đạt 173 triệu USD, tăng nhẹ 1,6% về lượng và tăng 7,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu chè bình quân 9 tháng đầu năm đạt 1.530 USD/tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2010.

+ **Hạt điều:** Tháng 10, xuất khẩu ước đạt 20 ngàn tấn với giá trị 190 triệu USD, đưa tổng lượng xuất khẩu 10 tháng đầu năm ở mức 146 ngàn tấn với trị giá 1,2 tỷ USD, mặc dù lượng giảm (-8,1%) nhưng kim ngạch vẫn tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2010. Khối lượng xuất khẩu giảm ở nhiều thị trường lớn như Hoa Kỳ, Ôx-trây-lia, Anh, Ca-na-đa và Thái Lan nhưng giá trị xuất khẩu sang hầu hết các thị trường đều tăng lên. Giá xuất khẩu tăng mạnh, giá xuất khẩu trung bình 9 tháng đạt 8.245 USD/tấn, tăng 48,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

+ **Tiêu:** Xuất khẩu tháng 10 ước đạt 10 ngàn tấn, kim ngạch đạt 72 triệu USD đưa khối lượng tiêu xuất khẩu 10 tháng lên con số 120 ngàn tấn với giá trị kim ngạch xuất khẩu 702 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và gấp gần 2 lần về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá tiêu xuất khẩu tăng mạnh, giá bình quân 9 tháng đạt 5.730 USD/tấn tăng 69,1% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn cung hạn chế khiến lượng xuất khẩu sang một số thị trường sụt giảm, nhưng kim ngạch vẫn tăng khá mạnh như Hoa Kỳ,

Các TVQ Ả Rập Thống Nhất, Ấn Độ, Pakixtan đều gấp hơn 2 lần về giá trị và Ai Cập, Tây Ban Nha, Xingapo tăng gấp hơn 3 lần về giá trị.

+ **Lâm sản và đồ gỗ:** Tháng 10, xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính và đồ gỗ ước đạt 381 triệu USD đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm ước đạt 3,4 tỉ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 3,2 tỷ USD, tăng 17,2%; sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt 160 triệu USD, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thủy sản:** Kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 10 ước đạt 600 triệu USD đưa giá trị xuất khẩu 10 tháng đầu năm đạt 4,95 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khá về giá trị, điển hình như Hoa Kỳ tăng 27,7%, Hàn Quốc 38,1%, Trung Quốc 47,5%, và Italia 42,1%.

### 3.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư, nguyên liệu phục vụ nông, lâm, thủy sản tháng 10 ước đạt 1,4 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này lên 13,1 tỷ USD, tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 37,34%. Với đà tăng giá chung, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất đang có tốc độ tăng giá nhanh hơn tốc độ tăng của sản phẩm.

*Cụ thể một số mặt hàng chính như sau:*

+ **Phân bón:** Lượng phân bón các loại nhập khẩu trong tháng 10 ước đạt 450 ngàn tấn, trong đó; Urê là 150 ngàn tấn, SA – 90 ngàn tấn, DAP – 75 ngàn tấn, NPK – 30 ngàn tấn. Tính đến hết tháng 10, lượng phân bón nhập khẩu ước đạt 3,5 triệu tấn với trị giá nhập khẩu 1,4 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước cả khối lượng và giá trị đều tăng lần lượt là 39,3% và 75,6%. Giá phân bón nhập khẩu bình quân 9 tháng là 409 USD/tấn tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu:** Ước nhập khẩu tháng 10 đạt 50 triệu USD, đưa tổng nhập khẩu 10 tháng đầu năm đạt 508 triệu USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm 2010. Nhiều thị trường lớn có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước như Trung Quốc tăng 31,9%, Đức (70,7%), Xingapo (77,4%), và Nhật Bản (50,4%).

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Giá trị gỗ và sản phẩm từ gỗ nhập khẩu tháng 10 ước đạt 115 triệu USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu 10 tháng đầu năm lên 1,1 tỷ USD, tăng 18,6% so cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 10 đạt 130 triệu USD, đưa tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng đầu năm ước đạt 1,8 tỷ USD xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu từ một số nguồn lớn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước như Achentina giảm 14%, Hoa Kỳ giảm 43,7%, lượng thiếu hụt từ các nguồn này được thay thế bằng lượng nhập khẩu tăng lên từ Ấn Độ tăng 44,9%, Braxin tăng 22,4%, Thái Lan tăng 20,5%.

+ **Cao su:** Ước nhập khẩu tháng 10 đạt 25 ngàn tấn, kim ngạch 90 triệu USD. Với ước tính này, lượng nhập khẩu 10 tháng đầu năm đạt 293 ngàn tấn với kim ngạch 794 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 23,6% về lượng và 59,6% về giá trị. Giá nhập khẩu cao su bình quân 9 tháng đầu năm đạt 2.622 USD/tấn, tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2010. Nhập khẩu tăng được thấy ở hầu hết các nguồn.

#### **4. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tính đến hết tháng 10/2011 ước đạt 7.340,59 tỷ đồng, bằng 99,49% kế hoạch vốn được giao. Trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung ước đạt 3.995,4 tỷ đồng, bằng 103,02% kế hoạch;
- Vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 3.345,14 tỷ đồng, bằng 95,58% kế hoạch;

Tiến độ thực hiện các công trình dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tập trung và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đều đạt và vượt tiến độ, mục tiêu yêu cầu;

Kết quả cụ thể như sau:

##### **4.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý**

###### **4.1.1. Phân bổ vốn đầu tư**

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nguồn ngân sách tập trung được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2145/QĐ - TTg ngày 23/11/2010 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 288/QĐ - BKH ngày 24/11/2010 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2011;

Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách tập trung năm 2011 được Chính phủ giao: 3.672.300 triệu đồng, bao gồm: 1.519.300 triệu đồng vốn trong nước, 2.153.000 triệu đồng vốn nước ngoài;

Đến thời điểm Quý 3/2011 Chính phủ điều chỉnh tăng thêm cho các công trình, dự án cấp bách 206 tỷ đồng;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai kế hoạch và thông báo vốn cho các chủ đầu tư theo đúng chỉ tiêu và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan giao tại văn bản số 4380/BNN- KH ngày 31/12/2010;

###### **4.1.2. Kết quả thực hiện.**

Khối lượng thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ quản lý thực hiện tính đến hết tháng 10/2011 ước đạt: 3.995,4 tỷ đồng, bằng 103,02% kế hoạch năm;

Hầu hết các công trình, dự án của các khối đầu tư trọng điểm của ngành đều đang triển khai đúng tiến độ;

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- *Vốn thực hiện đầu tư:* Ước đạt 3.684,7 tỷ đồng bằng 105,56% kế hoạch năm; Trong đó:

- + Đầu tư Thủy lợi: Ước đạt 2.099,57 tỷ đồng, bằng 99,15 % kế hoạch năm;
  - + Đầu tư Nông nghiệp: Ước đạt 1.064,51 tỷ đồng, bằng 152 % kế hoạch năm;
  - + Đầu tư Lâm nghiệp: Ước đạt 248,59 tỷ đồng, bằng 87,84% kế hoạch năm;
  - + Đầu tư Thủy sản: Ước đạt 21,21 tỷ đồng, bằng 92,52% kế hoạch năm;
  - + Chương trình trọng điểm PT&ứng dụng CNSH: Ước đạt 15,23 tỷ đồng, bằng 50,77% kế hoạch năm;
  - + Đầu tư Khoa học - Công nghệ: Ước đạt 38,9 tỷ đồng, bằng 74,66% KH;
  - + Đầu tư Giáo dục - Đào tạo: Ước đạt 82,5 tỷ đồng, bằng 90,66% KH;
  - + Các ngành khác: Ước đạt 161,9 tỷ đồng, bằng 83,54% kế hoạch năm;
  - *Vốn thực hiện theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể*: Ước đạt 237,57 tỷ đồng bằng 85,83% kế hoạch năm, trong đó:
    - *Vốn chuẩn bị đầu tư*: Ước đạt 40,46 tỷ đồng, bằng 101,92% kế hoạch năm;
- Kết quả thực hiện một số dự án điển hình:*

#### **a) Khối Thủy lợi:**

Khối lượng thực hiện 10 tháng năm 2011 ước đạt 2.088,57 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch;

Kết quả thực hiện một số dự án:

- Dự án thủy lợi lưu vực sông Hồng - ADB3: Khối lượng thực hiện 10 tháng đầu năm ước đạt 14,52 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch; Các Tiểu dự án đang khẩn trương nghiệm thu bàn giao cho các đơn vị quản lý khai thác và tiến hành kiểm toán, quyết toán công trình hoàn thành;

- Dự án thủy lợi các tỉnh miền Trung - ADB4: Khối lượng thực hiện tháng ước đạt 498,94 tỷ đồng, bằng 255% so với kế hoạch;

- Dự án Hỗ trợ thủy lợi - WB3: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 398 tỷ đồng, bằng 91,3% so với kế hoạch;

- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai - WB4: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 108 tỷ đồng, bằng 103,59% kế hoạch;

- Dự án thủy lợi Phước Hòa: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 450,89 tỷ đồng, bằng 76,44% kế hoạch;

- Dự án Phan Rí - Phan Thiết: Khối lượng đạt 139,34 tỷ đồng, bằng 143,87% kế hoạch;

#### **b) Khối Nông nghiệp**

Khối lượng thực hiện 10 tháng năm 2011 ước đạt 1.064,51 tỷ đồng, bằng 152% kế hoạch;

Các dự án ODA Nông nghiệp có tiến độ thực hiện và giải ngân đạt khá cao so với kế hoạch vốn được giao, đáp ứng được mục tiêu đầu tư của ngành và tuân thủ các điều kiện giải ngân của các nhà tài trợ;

+ Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai đạt 231,36 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 34,68 tỷ đồng, vốn ngoài nước 196,68 tỷ đồng;

+ Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung đạt 820,14 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 78,14 tỷ đồng, vốn ngoài nước 742 tỷ đồng;

+ Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc đạt 9,16 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 5,76 tỷ đồng, vốn ngoài nước 3,4 tỷ đồng; Do dự án mới mở nên số vốn kế hoạch Bộ bố trí không đáp ứng được nhu cầu giải ngân thanh toán cho phần khối lượng đã thực hiện của 15 tỉnh tham gia dự án; Ban quản lý dự án đã có văn bản trình Bộ bổ sung vốn cho dự án để kịp triển khai theo tiến độ;

### **c) Khối Lâm nghiệp**

Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 248,59 tỷ đồng, bằng 87,84% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 7,83 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 240,76 tỷ đồng;

+ Dự án Phát triển lâm nghiệp ở Hòa Bình, Sơn La (vốn vay CHLB Đức): Đạt 32,09 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 1,47 tỷ đồng, vốn ngoài nước 30,62 tỷ đồng;

+ Dự án Phát triển lâm nghiệp kết hợp cải thiện đồng bào dân tộc Tây Nguyên (vay ADB): Đạt 114,29 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 2,72 tỷ đồng, vốn ngoài nước 111,57 tỷ đồng;

+ Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp (vay WB): Đạt 102,21 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 3,64 tỷ đồng, vốn ngoài nước 98,57 tỷ đồng;

### **d) Khối Thủy sản**

Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 21,21 tỷ đồng, bằng 92,52% kế hoạch;

## **4.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ**

### **4.2.1 . Phân bổ vốn**

Vốn trái phiếu Chính phủ thuộc khung kế hoạch năm 2011 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao tại quyết định số 184/QĐ- TTg ngày 28/1/2011 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 và văn bản số 618/BKHĐT- TH ngày 28/1/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011;

Tổng vốn kế hoạch năm 2011 được Chính phủ giao: 3.500 tỷ đồng, trong đó:

- Các dự án có trong quyết định số 171/2006/QĐ- TTg: 2.671,1 tỷ đồng;
- Các dự án cấp bách bổ sung: 398 tỷ đồng;
- Các dự án thủy lợi đồng bằng sông Hồng: 430,9 tỷ đồng;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành phân bổ và thông báo vốn thuộc khung kế hoạch năm 2011 cho các chủ đầu tư ngay từ đầu tháng 2/2011;

#### **4.2.2. Kết quả thực hiện**

Khối lượng thực hiện của các công trình sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 10 tháng năm 2011 ước đạt 3.345,14 tỷ đồng, bằng 95,58% kế hoạch năm;

Trong đó:

- Khối lượng thực hiện các dự án trong quyết định 171: Ước đạt 2.575,14 tỷ đồng, bằng 96,99% kế hoạch;
- Khối lượng thực hiện của các dự án cấp bách bổ sung: Ước đạt 395 tỷ đồng, bằng 97,77% kế hoạch ;
- Khối lượng thực hiện các dự án đồng bằng sông Hồng: Ước đạt 375 tỷ đồng, bằng 85% kế hoạch;

#### **5. HIỆN TRẠNG THỐNG KÊ HÀNG THÁNG**

Tháng 10 có 56/63 Sở Nông nghiệp và PTNT gửi báo cáo về Trung tâm, còn lại 7 Sở không gửi báo cáo về Trung tâm là Thái Bình, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Phú Yên và Khánh Hòa. 17 Sở vẫn còn chưa thực hiện theo đúng quy định trong chế độ báo cáo mới ban hành kèm theo Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, đề nghị các đơn vị chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định.

#### **Nơi nhận**

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên cổng thông tin Mard.gov.vn
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK(2), Dự báo

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Viết Chiến**